姓名..... 班级..... 学号.....

比较

bǐ jiào

看图片、选择正确答案。

1

比

bǐ

爸爸 bà ba　　弟弟 dì di

高 gāo　　矮 ǎi

2

比

bǐ

哥哥 gē ge　　姐姐 jiě jie

胖 pàng　　瘦 shòu

3

比

bǐ

姐姐 jiě jie　　外婆 wài pó

胖 pàng　　瘦 shòu

4

比

bǐ

奶奶 nǎi nai　　妈妈 mā ma

高 gāo　　矮 ǎi

LIVEWORKSHEETS

姓名..... 班级..... 学号.....

5

妈妈
mā ma

比
bǐ

妹妹
mèi mei

高
gāo

矮
ǎi

6

外公
wài gōng

比
bǐ

爷爷
yé ye

胖
pàng

瘦
shòu

7

爷爷
yé ye

比
bǐ

爸爸
bà ba

胖
pàng

瘦
shòu

8

奶奶
nǎi nai

比
bǐ

外婆
wài pó

高
gāo

矮
ǎi

LIVEWORKSHEETS

姓名..... 班级..... 学号.....

9

妈妈
mā ma

比
bǐ

外婆
wài pó

胖
pàng

瘦
shòu

10

弟弟
dì di

比
bǐ

姐姐
jiě jie

高
gāo

矮
ǎi

LIVEWORKSHEETS